anviet
Certified Public Accountants

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG CHẢY 5

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CHO KỲ HOẠT ĐỘNG
TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

Hà Giang, tháng 08 năm 2017

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG CHẢY 5
Ký ngày: 15/8/2017 10:20:38

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Huyên	Chủ tịch *(miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Ông Nguyễn Huy Bách	Chủ tịch *(bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Ông Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên *(miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Ông Phạm Công Nhân	Thành viên *(miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên *(miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Ông Lưu Văn Tân	Thành viên
Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên *(bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017)*

Ban Giám đốc

Ông Lưu Văn Tân	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Đức	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trưởng ban *(miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng ban *(bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Ông Phạm Quang Tuấn	Thành viên *(miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Bà Nguyễn Thùy Ninh	Thành viên *(miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Bà Lê Thị Oanh	Thành viên *(bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017)*
Bà Lý Thị Tú Uyên	Thành viên *(bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017)*

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Lưu Văn Tân
Giám đốc

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2017

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-4) 3795 8705
E anviet.hn@anvietcpa.com F (84-4) 3795 8677

Số: 122A/2017/SX-AV-TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07/08/2017, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo được lấy trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 do Công ty lập. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty chưa được soát xét do Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu vào ngày 16/12/2016.

Phan Lê Thành Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số:
0922-2015-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	31/12/2016
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**15.547.561.194**	**15.708.797.966**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**3.934.714.349**	**736.345.995**
	1. Tiền	111	5	3.934.714.349	736.345.995
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**10.644.259.607**	**14.654.874.273**
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.896.004.015	6.506.971.803
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.662.237.877	-
	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	7.600.000.000
	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	86.017.715	547.902.470
III.	**Hàng tồn kho**	**140**		**968.587.238**	**317.577.698**
	1. Hàng tồn kho	141	9	968.587.238	317.577.698
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**327.972.943.733**	**336.067.132.333**
I.	**Tài sản cố định**	**220**		**327.856.381.915**	**336.067.132.333**
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	327.856.381.915	336.067.132.333
	- Nguyên giá	*222*		*414.011.870.227*	*413.586.070.227*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(86.155.488.312)*	*(77.518.937.894)*
II.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**116.561.818**	**-**
	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	*116.561.818*	-
	TỔNG TÀI SẢN	**270**		**343.520.504.927**	**351.775.930.299**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	31/12/2016
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**192.898.218.654**	**208.040.043.694**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**11.847.903.428**	**19.489.728.468**
	1. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	10	1.801.231.725	758.449.406
	2. Phải trả người lao động	314		274.819.010	593.030.961
	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.081.111.233	91.154.561
	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	190.741.460	47.093.540
	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.1	7.500.000.000	18.000.000.000
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**181.050.315.226**	**188.550.315.226**
	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.2	181.050.315.226	188.550.315.226
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**150.622.286.273**	**143.735.886.605**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**15**	**150.622.286.273**	**143.735.886.605**
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		622.286.273	(6.264.113.395)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(6.264.113.395)*	*(17.897.330.130)*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*6.886.399.668*	*11.633.216.735*
	TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**343.520.504.927**	**351.775.930.299**

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Nhung	Bùi Quang Hùng	Lưu Văn Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**17**	**32.217.821.705**	**30.026.487.380**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**17**	**32.217.821.705**	**30.026.487.380**
4. Giá vốn hàng bán	11	18	14.129.416.304	12.759.454.315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**18.088.405.401**	**17.267.033.065**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	5.931.543	140.373.594
7. Chi phí tài chính	22		9.668.506.866	10.225.068.134
Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*9.668.506.866*	*10.225.068.134*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	1.356.662.908	1.767.807.304
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**7.069.167.170**	**5.414.531.221**
11. Thu nhập khác	31		2.913.950	-
12. Chi phí khác	32		10.100.000	296.244
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(7.186.050)**	**(296.244)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**7.061.981.120**	**5.414.234.977**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	175.581.452	-
16. Chi phí/ (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**6.886.399.668**	**5.414.234.977**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**23**	**459**	**361**

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Nhung	Bùi Quang Hùng	Lưu Văn Tân

M.S.D.N: 5100310438 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG CHẢY 5 - H. XÍN MẦN - T. HÀ GIANG

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	**01**		**7.061.981.120**	**5.414.234.977**
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ	02	12	8.636.550.418	8.687.118.140
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	19	(5.931.543)	(140.373.594)
- Chi phí lãi vay	06		9.668.506.866	10.225.068.134
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**25.361.106.861**	**24.186.047.657**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(3.589.385.334)	13.586.617.390
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(651.009.540)	(360.835)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lãi vay phải trả)	11		2.695.241.896	(19.593.665.389)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.668.506.866)	(10.242.466.031)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.648.388)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**14.134.798.629**	**7.936.172.792**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(542.361.818)	(45.563.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(13.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		7.600.000.000	10.200.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19	5.931.543	140.373.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**7.063.569.725**	**(3.205.189.406)**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	2.722.599.764
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(18.000.000.000)	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(18.000.000.000)**	**(4.277.400.236)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**3.198.368.354**	**453.583.150**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5**	**736.345.995**	**268.904.701**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**5**	**3.934.714.349**	**722.487.851**

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Nhung	Bùi Quang Hùng	Lưu Văn Tân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 có trụ sở tại Xã Thèn Phàng, Huyện Xín Mần, Tỉnh Hà Giang, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5100310438 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 07/10/2009, đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 6 ngày 10/03/2015 và Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000097 cấp ngày 23/04/2010, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư, xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: Thông tin trên báo cáo tài chính có khả năng so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc, thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 07

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.9 Vay

Vay của Công ty bao gồm các khoản vay ngân hàng. Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

4.12 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu bao gồm tiền bán điện thương phẩm do Nhà máy Thủy điện Sông Chảy 5 sản xuất và được ghi nhận mỗi tháng một lần. Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được và chuyển giao cho Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc.

Doanh thu hoạt động tài chính chỉ bao gồm lãi tiền gửi, được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm chi phí khấu hao nhà máy thủy điện, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất chung khác.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.15 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Công ty chưa xem xét việc trình bày thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải
trả phát sinh trong năm.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 7,15,25.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Tiền mặt	236.396.577	251.692.294
Tiền gửi ngân hàng	3.698.317.772	484.653.701
Cộng	**3.934.714.349**	**736.345.995**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	7.896.004.015	6.506.971.803
Cộng	**7.896.004.015**	**6.506.971.803**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty TNHH Sơn Lâm	1.538.535.475	-
Công ty CP Dịch vụ Năng lượng Hùng Vương	770.088.330	-
Các khoản trả trước khác	353.614.072	-
Cộng	**2.662.237.877**	**-**

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải thu bảo hiểm	12.228.090	12.228.090
Phải thu tiền lãi cho vay	-	505.575.000
Phải thu ngắn hạn khác	73.789.625	30.099.380
Cộng	**86.017.715**	**547.902.470**

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Công cụ, dụng cụ	9.418.166	9.418.166
Nguyên liệu, vật liệu	959.169.072	308.159.532
Cộng	**968.587.238**	**317.577.698**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	550.831.073	3.221.782.170	2.683.648.515	1.088.964.728
Thuế TNDN	-	175.581.452	12.648.388	162.933.064
Thuế TNCN	16.652.851	24.160.762	30.108.894	10.704.719
Thuế tài nguyên	190.965.482	1.247.569.073	899.905.341	538.629.214
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**758.449.406**	**4.672.093.457**	**3.629.311.138**	**1.801.231.725**
Trong đó				
Phải nộp	758.449.406			1.801.231.725

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Số đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	**542.361.818**	-
Giảm trong kỳ	**425.800.000**	-
Kết chuyển sang tài sản cố định	425.800.000	-
Số cuối kỳ (*)	**116.561.818**	-

(*) Công trình Đường dây 35KV nối từ Nhà máy Thủy điện Sông Chảy 5 đến Thị trấn Cốc Pài, Huyện Xín Mần để đấu nối vào hệ thống mạng lưới điện quốc gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 31/12/2016	**301.913.327.690**	**110.487.205.810**	**1.185.536.727**	**413.586.070.227**
Tăng trong kỳ	**-**	**425.800.000**	**-**	**425.800.000**
Mua trong kỳ	-	425.800.000	-	425.800.000
Tại ngày 30/06/2017	**301.913.327.690**	**110.913.005.810**	**1.185.536.727**	**414.011.870.227**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 31/12/2016	**52.029.587.737**	**24.332.153.238**	**1.157.196.919**	**77.518.937.894**
Khấu hao	5.837.527.386	2.770.683.224	28.339.808	8.636.550.418
Tại ngày 30/06/2017	**57.867.115.123**	**27.102.836.462**	**1.185.536.727**	**86.155.488.312**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2016	**249.883.739.953**	**86.155.052.572**	**28.339.808**	**336.067.132.333**
Tại ngày 30/06/2017	**244.046.212.567**	**83.810.169.348**	**-**	**327.856.381.915**

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Chi phí chăm sóc rừng	67.376.381	67.376.381
Chi phí nạo vét hạ lưu nhà máy	1.868.911.000	-
Chi phí xử lý sạt lở bờ hồ tỉnh lộ 177	121.045.672	-
Chi phí phải trả khác	23.778.180	23.778.180
Cộng	**2.081.111.233**	**91.154.561**

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Kinh phí công đoàn	12.839.960	-
Quỹ bảo vệ & phát triển rừng Hà Giang	175.196.100	-
Các khoản phải trả khác	2.705.400	47.093.540
Cộng	**190.741.460**	**47.093.540**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 31/12/2015	**150.000.000.000**	**(17.897.330.130)**	**132.102.669.870**
Lãi trong kỳ	-	5.414.234.977	5.414.234.977
Tại ngày 30/06/2016	**150.000.000.000**	**(12.483.095.153)**	**137.516.904.847**
Lãi trong kỳ	-	6.218.981.758	6.218.981.758
Tại ngày 31/12/2016	**150.000.000.000**	**(6.264.113.395)**	**143.735.886.605**
Lãi trong kỳ	-	6.886.399.668	6.886.399.668
Tại ngày 30/06/2017	**150.000.000.000**	**622.286.273**	**150.622.286.273**

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn cổ phần thường (VND)	Số cổ phần (cổ phần)	Vốn cổ phần thường (VND)	Số cổ phần (cổ phần)
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	-	132.000.000.000	13.200.000
Phạm Công Nhân	17.900.000.000	1.790.000	17.900.000.000	1.790.000
CTCP Dịch vụ Năng lượng SBM	36.000.000.000	3.600.000	-	-
CTCP Đầu tư và Dịch vụ năng lượng Hạ Long	36.000.000.000	3.600.000	-	-
CTCP Đầu tư và Dịch vụ năng lượng Bát Cảnh Sơn	27.000.000.000	2.700.000	-	-
Công ty TNHH Sơn Lâm	18.000.000.000	1.800.000	-	-
Lê Khả Châu	15.000.000.000	1.500.000	-	-
Các cổ đông khác	100.000.000	10.000	100.000.000	10.000
Cộng	**150.000.000.000**	**15.000.000**	**150.000.000.000**	**15.000.000**

16. VAY

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
16.1 Ngắn hạn	**7.500.000.000**	**18.000.000.000**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 (*)	7.500.000.000	18.000.000.000
16.2 Dài hạn	**181.050.315.226**	**188.550.315.226**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1 (*)	181.050.315.226	188.550.315.226

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

16. VAY (TIẾP THEO)

(*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/3107710/HĐTD ngày 13/08/2015 ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1. Tài sản thế chấp cho khoản vay là Nhà máy Thủy điện Sông Chảy 5 tại Xã Thèn Phàng - Xã Ngán Chiên, Huyện Xín Mần, Tỉnh Hà Giang. Mục đích của khoản vay là để dịch chuyển dư nợ đối với khoản vay đầu tư Dự án Thủy điện Sông Chảy 5 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang và cho vay bổ sung thanh toán các chi phí khác.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay như sau:

- Số tiền vay: 236.278.904.091 VND
- Lãi suất vay: Lãi suất được thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày đầu tiên của Quý 1 và Quý 3 hàng năm. Lãi suất được áp dụng cho 6 tháng đầu năm 2017 là 9,9%/năm.
- Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc và lãi trong 45 kỳ vào ngày 25 hàng tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm, kỳ trả nợ đầu tiên bắt đầu từ ngày 25/12/2015.
- Số dư tại ngày 30/06/2017: 188.550.315.226 VND.

17. DOANH THU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**32.217.821.705**	**30.026.487.380**
Doanh thu bán thành phẩm	32.217.821.705	30.026.487.380
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**32.217.821.705**	**30.026.487.380**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	14.129.416.304	12.759.454.315
Cộng	**14.129.416.304**	**12.759.454.315**

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi	5.931.543	10.805.545
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	129.568.049
Cộng	**5.931.543**	**140.373.594**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên	634.857.713	895.796.652
Chi phí khấu hao	28.339.808	79.351.392
Chi phí văn phòng phẩm	12.590.000	5.556.500
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.604.022	31.087.155
Chi phí bằng tiền khác	590.271.365	753.015.605
Cộng	**1.356.662.908**	**1.767.807.304**

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	344.412.592	214.585.938
Chi phí nhân công	1.930.007.521	2.695.092.328
Chi phí khấu hao	8.636.550.418	8.692.132.975
Thuế, phí, lệ phí	1.558.229.093	1.202.612.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.387.365.587	735.943.352
Chi phí khác bằng tiền	629.514.001	986.894.115
Cộng	**15.486.079.212**	**14.527.261.619**

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

Theo Giấy chứng nhận đầu tư và các quy định hiện hành về thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2012 đến năm 2026) và 20% cho những năm tiếp theo. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

Bảng sau trình bày chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2017:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	**7.061.981.120**	**5.414.234.977**
Điều chỉnh tăng chi phí không được trừ	140.700.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế chưa cấn trừ lỗ chuyển sang từ năm trước	**7.202.681.120**	**5.414.234.977**
Lỗ năm trước chuyển sang	(3.691.052.091)	(5.414.234.977)
Thu nhập tính thuế	**3.511.629.029**	-
Thuế suất thuế TNDN	**10%**	**10%**
Thuế TNDN theo mức thuế suất áp dụng	351.162.903	-
Thuế TNDN được giảm trong năm	(175.581.451)	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	**175.581.452**	-

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

CỔ PHIẾU

	30/06/2017 Số lượng	31/12/2016 Số lượng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VNĐ/cổ phiếu)	10.000	10.000

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.886.399.668	5.414.234.977
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**6.886.399.668**	**5.414.234.977**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**459**	**361**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

24. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 30/06/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	*Công ty mẹ*		
Cho vay		-	13.500.000.000
Thu hồi khoản vay		7.600.000.000	10.200.000.000
Trả nợ lãi vay		-	17.397.897
Công ty TNHH Sơn Lâm	*Cổ đông*		
Chi phí công trình sửa chữa, nạo vét lòng sông		2.421.840.000	-
Thành viên hội đồng quản trị			
Thù lao		165.600.000	240.000.000

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 được lập bởi Công ty chưa được soát xét bởi kiểm toán độc lập.

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Nhung	Bùi Quang Hùng	Lưu Văn Tân

M.S.D.N: 5100310438 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG CHẢY 5 * H.XÍN MẦN - T.HÀ GIANG